

Bản án số: **12 /2019/HSST**
Ngày 08 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên Sơ cấp.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/HS-ST ngày 01/7/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX – HSST ngày 23/7/2019, đối với bị cáo:

Hoàng Văn D, sinh năm 1965.

Họ tên gọi khác: Hoàng Anh D; giới tính: Nam,
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc:
Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội:
Kế toán Ủy ban nhân dân xã D; Trình độ văn hoá: học lớp 12/12; Đảng, đoàn thể:
Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn N, Con bà Nguyễn Thị
G; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 anh em; Vợ Nguyễn Thị C và bị cáo có
02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:**

Ủy ban nhân dân xã D, do ông Nguyễn Văn T – Chức vụ Phó chủ tịch UBND xã đại diện; Có mặt.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: thôn M, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Lã Xuân G, sinh năm 1979; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: thôn L, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Những người làm chứng:**

1. Ông Lã Văn M, sinh năm 1997; Có mặt.

2. Ông Hoàng Huy H, sinh năm 1966; Có mặt.

Đều cư trú tại: thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Lưu Xuân Đ, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ngõ 13, đường H, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bản cáo trạng số: 13/2019/CT – VKSSĐ ngày 28/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Do UBND xã hàng năm không có nguồn kinh phí cấp cho việc mua sắm trang thiết bị phục vụ cho UBND xã và làm đường, sửa chữa trụ sở UBND xã D. Bị cáo Hoàng Văn D, sinh năm 1965 trú tại thôn T, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang là cán bộ tài chính kế toán xã D đã tự lập 04 bộ hóa đơn, chứng từ không với các nội dung sửa chữa đường giao thông liên thôn, sửa chữa sân nhà văn hóa, khuôn viên Ủy ban nhân dân xã D, D đã tham mưu và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D là ông Nguyễn Văn M là Chủ tịch ủy ban xã năm 2015, ông Lã Xuân G là Chủ tịch ủy ban xã năm 2016 ký, sau đó làm thủ tục thanh toán tại Kho bạc nhà nước huyện Sơn Động rút tổng số tiền 249.124.000đ (Hai trăm bốn chín triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng) để chi không đúng mục đích (chi quà tết, trả nợ việc mua sắm tài sản, sửa chữa thi công công trình). Quá trình lập chứng từ, hợp đồng không để thanh quyết toán với Kho bạc, Hoàng Văn D đã tự mình ký tên “T”, “Nguyễn Văn T” vào các mục “Người nhận tiền”, “Người xin thanh toán”, “Đại diện bên nhận thầu, nhận khoán” và D ký vào các mục “Kế toán trưởng”, “Người lập”, “Kế toán”. Cụ thể như sau:

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy, Ủy ban xã D về việc chi quà tết Ất Mùi 2015. Ngày 11/2/2015, Hoàng Văn D làm thủ tục tạm ứng Kho bạc nhà nước huyện Sơn Động số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn) về nhập quỹ. Sau đó Ủy ban nhân dân xã D đã chỉ đạo ông Nguyễn Văn Đ là thủ quỹ của chi toàn bộ số tiền trên gồm: Chi quà tết cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Chi cục thuế huyện S số tiền 25.000.000đ, Ủy ban nhân dân Thành phố B 4.000.000đ (các khoản chi này không có hóa đơn, chữ ký của người nhận tiền); ngoài ra Ủy ban xã còn chi quà tết cho: Cán bộ, công chức, viên chức xã D số tiền 9.000.000đ; đảng viên lão thành cách mạng 5.400.000đ, cán bộ không chuyên trách của xã là 6.600.000đ, bí thư các chi bộ thôn bản 2.600.000đ; các trưởng thôn trong xã 2.400.000đ, cán bộ công an huyện phụ trách xã 600.000đ; mua bánh kẹo, mua đồ làm lễ thấp hương, mua đào, quất tại UBND xã 4.400.000đ (các khoản chi này có chữ ký của những người nhận quà tết). Sau đó Ủy ban nhân dân xã D giao cho kế toán tham mưu quyết toán số tiền trên. Ngày 08/4/2015, Hoàng Văn D tự lập 01

Phiếu chi không số 31 ngày 08/4/2015, kèm theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐGK ngày 11/3/2015 giữa Ủy ban nhân dân xã D với ông Nguyễn Văn T ở thôn L, xã D, nội dung hợp đồng ghi sửa đường giao thông liên thôn từ ngã ba thôn T đi vào thôn M, theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số tiền là 60.000.000đ, D trình Chủ tịch Ủy ban xã là ông Nguyễn Văn M ký để thanh quyết toán với Kho bạc số tiền trên.

Năm 2013, Ủy ban nhân dân xã D mua 06 bộ bàn ghế, 02 chiếc giường 1,5m với tổng số tiền là 31.900.000đ của ông Lã Văn M, sinh năm 1977 ở thôn T, xã D. Năm 2015, Ủy ban xã D mua của ông Lưu Xuân Đ (Công ty xây dựng số 1 Bắc Giang) 01 máy phát điện với số tiền là 29.000.000đ; mua 01 bộ bàn ghế cho Phòng bí thư Đảng ủy xã tại cửa hàng điện tử M ở khu 0, thị trấn A, huyện S với số tiền 20.250.000đ. Do số nợ này chưa được thanh toán, Ủy ban xã D giao cho kế toán tham mưu thanh toán số tiền trên. Ngày 29/3/2016, Hoàng Văn D tự lập Phiếu chi không số 0031 kèm theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐGK ngày 08/1/2016 giữa Ủy ban nhân dân xã D với ông Nguyễn Văn ở thôn L, xã xã D, nội dung hợp đồng ghi sửa đường giao thông liên thôn từ ngã ba thôn T đi vào thôn M, theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với số tiền là 80.564.000đ và trình ông Lã Xuân G là Chủ tịch xã ký, sau đó rút tiền từ Ngân sách để chi trả việc mua tài sản trên (do còn thiếu 586.000đ nên D đã tự mình ứng tiền riêng ra để chi trả).

Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã D thuê thợ làm đường bê tông từ công vào đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đổ bê tông 02 sân bóng chuyền và xây dựng khuôn viên sân Ủy ban nhân dân xã hết số tiền 33.260.000đ. Ngày 31/3/2016, D tự lập 01 phiếu chi không số 0033 kèm theo Hợp đồng kinh tế số 55/HĐGK ngày 06/10/2015 giữa Ủy ban nhân dân xã D với ông Nguyễn Văn T ở thôn L, xã D, theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với nội dung sửa chữa nhà văn hóa, khuôn viên Ủy ban xã, sau đó D trình Chủ tịch xã ông Lã Xuân G ký để rút số tiền 33.260.000đ từ Ngân sách để chi trả tiền thi công công trình trên.

Cuối năm 2015, Ủy ban nhân dân xã D thuê ông Hoàng Huy H ở thôn T, xã D làm cổng rào, cánh cổng, nhà để xe của Ủy ban, công và biển Trạm y tế xã hết tổng cộng số tiền 78.500.000đ. Ngày 31/3/2016, D đã lập 01 Phiếu chi không số 34 kèm theo Hợp đồng kinh tế số 56/HĐGK ngày 06/10/2015 giữa Ủy ban nhân dân xã D với ông Nguyễn Văn T ở thôn L, xã D; nội dung hợp đồng ghi tu sửa đường giao thông liên thôn từ ngã ba thôn Đồng M đi thôn Đ, theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với số tiền là 75.300.000đ, sau đó D trình ông Lã Xuân G là Chủ tịch UBND xã ký để rút tiền từ Ngân sách Ủy ban nhân dân xã D để chi trả tiền ông Hoàng Huy H đã thi công công trình trên. Do phải thanh toán số tiền 78.500.000đ, nhưng rút về chỉ 75.300.000đ, vì vậy còn thiếu 3.200.000đ, D đã ứng tiền riêng của mình ra để chi trả cho ông H, đến nay Ủy ban nhân dân xã chưa thanh toán số tiền ứng 3.200.000đ cho D.

Tổng số tiền của 04 phiếu chi lập không nêu trên là 249.124.000đ (Hai trăm bốn chín triệu, một trăm hai mươi tư nghìn đồng). Quá trình điều tra xác định D đã tự ký và viết tên “T”, “Nguyễn Văn T” vào mục “Người nhận tiền”, “Người xin

thanh toán”, “Đại diện bên nhận thầu, nhận khoán” trong cả 04 hợp đồng, phiếu chi do D tự lập không. Qua làm việc với ông Nguyễn Văn T ở thôn L, xã D, huyện S, ông T khẳng định không phải chữ ký, chữ viết của ông trong các chứng từ đó, ông T không được thi công, sửa chữa các hạng mục ghi trong chứng từ và không được nhận số tiền nêu trên, việc lập chứng từ trên là do lập không.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn D thừa nhận tự lập không 04 phiếu chi trên, sau khi rút được tiền đã chi không đúng mục đích, D là người trực tiếp thanh toán các khoản nợ cho việc mua bàn ghế, làm các công trình còn nợ trước đó của Ủy ban nhân dân xã D.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ 04 bộ hóa đơn, chứng từ chi do D lập không nêu trên, ngoài ra còn tạm giữ các giấy tờ, sổ sách do Ủy ban xã D quản lý có liên quan đến vụ việc.

Ngày 03/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 45/QĐ-CQĐT, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang để xác định chữ ký “T”, “Nguyễn Văn T” trong mẫu cần giám định và mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không. Chữ ký của Hoàng Văn D trong mẫu so sánh và chữ ký trong mục “Kế toán trưởng”, “Người lập”, “Kế toán” có phải do cùng một người viết ra hay không.

Ngày 17/4/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Kết luận giám định số 482/KL-PC09 xác định: Chữ viết “T” - “Nguyễn Văn T” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A18, chữ viết “T” - “Nguyễn Văn T” dưới mục người bán hàng trên tài liệu cần giám định ký hiệu A19 so với chữ viết của Hoàng Văn D trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M10 là do cùng một người viết ra; Chữ ký dưới các mục “Kế toán trưởng”, “Người lập” trên các tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A4; chữ ký dưới mục “Kế toán” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký của Hoàng Văn D trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M10 là do cùng một người viết ra.

Ngày 04/4/2019, Cơ quan điều tra ra yêu cầu định giá số 43/YCĐGTS-CQĐT yêu cầu xác định giá trị tài sản tại thời điểm lập chứng từ để rút tiền thanh toán cho các khoản đã mua, đã thi công, sửa chữa trước đó và giá trị thời điểm hiện tại của tài sản, công trình hiện còn.

Ngày 12/4/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Sơn Động có Kết luận định giá số 05/KL- HĐĐGTS xác định, giá trị tài sản theo yêu cầu định giá tài sản số 43 ngày 04/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động như sau:

Giá trị sân bê tông: 24.112.000đ; Nhà để xe: 28.212.000đ; Nền nhà để xe 8.520.000đ; 04 cột bóng chuyền: 400.000đ; Cổng UBND xã: 4.000.000đ; Cổng ngách của UBND xã được làm bằng vật liệu sắt: 500.000đ; Cổng trào của UBND xã: 4.000.000đ; 02 khung thành bóng đá: 1.000.000đ; Cổng của Trạm y tế xã :450.000đ; Cổng trào của trạm y tế xã: 150.000đ; Bộ bàn ghế: 15.500.000đ; 02

chiếc giường bằng gỗ tạp: 2.000.000đ; 06 bộ bàn ghế cột tay: 12.600.000đ; 01 máy phát điện: 6.000.000đ.

* Tổng giá trị tài sản, công trình còn lại giá trị sử dụng tại thời điểm định giá là: 107.444.000đ (Một trăm linh bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu thu thập được, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các nhân chứng.

Tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhân chứng khai như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định. Từ căn cứ đánh giá nêu trên Viện kiểm sát đã kết luận: Bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hoàng Văn D mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình bổ sung: Áp khoản 4 Điều 221 Bộ luật hình sự; cấm bị cáo Hoàng Văn D đảm nhiệm chức vụ về tài chính kế toán thời hạn từ 2 đến 4 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Bị cáo D và ông M, ông G phải liên đới bồi thường cho UBND xã D số tiền là 141.680.000đ (Cụ thể: D chịu 31.680.000đ, ông M chịu 60.000.000đ, ông G: 50.000.000đ). Hoàn trả cho bị cáo D số tiền 107.444.000đ.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí.

Về phần tranh luận: Bị cáo D nhận tội và nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhất trí với kết luận của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa.

XÉT THẤY;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, Điều tra viên đã thực hiện đúng theo Điều 37 và 38 của Bộ luật tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo D và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; như vậy, hành vi và quyết định tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Hoàng Văn D khai nhận phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn T là đại diện nguyên đơn dân sự, ông Nguyễn Văn M, ông Lê Xuân G, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Đ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong các năm 2015- 2016, Hoàng Văn D là Công chức Tài chính - Kế toán xã D lập 04 bộ hồ sơ, chứng từ khống ghi mục đích là sửa chữa đường giao thông liên thôn sau đó tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D quyết toán sai quy định, gây thất thoát cho Nhà nước với tổng số tiền là 141.680.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra xác định các khoản mua sắm tài sản, thi công sửa chữa do Dương lập khống để thanh toán với Kho bạc không nằm trong dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân xã D.

Bị cáo Hoàng Văn D đã lập 04 bộ hồ sơ, chứng từ khống ghi mục đích là sửa chữa đường giao thông liên thôn, sau đó tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D quyết toán sai quy định. Trong đó: 01 chứng từ để thanh quyết toán số tiền 60 triệu đồng đã tạm ứng để sử dụng vào mục đích chi quà tết; lập khống 03 chứng từ để rút tiền chi trả cho việc trả nợ tiền mua tài sản, thi công, sửa chữa các công trình nêu trên, sau khi đối trừ thì giá trị tài sản còn lại sử dụng tại thời điểm định giá bằng số tiền là 107.444.000đ. Xác định Hoàng Văn D đã làm gây thất thoát cho nhà nước số tiền là 141.680.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Hoàng Văn D đã thực hiện không đúng về quản lý, sử dụng ngân sách quy định tại Thông tư 60/2003/TT- BTC ngày 23/6/2003 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Điều 82 Nghị định 60/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước năm 2002; khoản 5, 9 Điều 72 Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Khoản 1, khoản 4 Điều 6 Luật kế toán năm 2003.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng đã được thu giữ. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng 13/2019/CT – VKS - SD, ngày 28/ 6/ 2019 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về hành vi, tội danh là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo bản Cáo trạng số 13/2019/CT – VKS - SD, ngày 28/ 6/ 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản cáo trạng số 13/2019/CT – VKS - SD, ngày 28/ 6/ 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần được chấp nhận. Từ nhận định nêu trên thì đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước. Do vậy, cần áp dụng hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Trước khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có bố mẹ đẻ được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo phạm tội do năng lực yếu và không có động cơ vụ lợi cá nhân.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo nơi cư trú ổn định, rõ ràng; do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng ở mức đầu của khung hình phạt tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi biết hành vi bị phát hiện, bị cáo Hoàng Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 249.124.000đ để khắc phục hậu

quả, (Trong đó bị cáo Hoàng Văn D nộp 139.124.000đ; ông Nguyễn Văn M nộp 60.000.000đ; ông Lã Xuân G nộp 50.000.000đ).

UBND huyện S có ý kiến đối với số tiền bị cáo làm thiệt hại và tài sản đã làm và mua sắm như sau: Về số tiền bị cáo và người liên quan làm thiệt hại 141.680.000đ, UBND huyện đề nghị các cơ quan tiến hành tổ tụng giao cho UBND xã D quản lý theo quy định. Về tài sản đã dùng tiền lập chứng từ khống để làm và mua sắm, UBND huyện chấp nhận cho nhập vào tài sản công của UBND xã D quản lý.

Ủy ban nhân dân xã D yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D và những người liên quan bồi thường số tiền 141.680.000đ để UBND xã D quản lý theo quy định. Bị cáo D và ông G, ông M đã tự nguyện liên đới nộp số tiền để khắc phục hậu quả 141.680.000đ; cụ thể bị cáo D và ông G, ông M tự nguyện, thỏa thuận mỗi người chịu như sau: Ông M 60.000.000đ, ông G 50.000.000đ, bị cáo D 31.680.000đ; Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D và ông G, ông M tự nguyện thỏa thuận với nhau để nộp số tiền khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Quá trình điều tra bị cáo D còn đề nghị Ủy ban xã D hoàn trả số tiền của bị cáo đã ứng chi: 3.786.000đ, nhưng tại phiên tòa bị cáo và UBND xã có ý kiến tự giải quyết, không yêu cầu xem xét giải quyết; do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 bộ hóa đơn, chứng từ chi do Dương lập khống nêu trên, ngoài ra còn thu giữ các giấy tờ, sổ sách của UBND xã D, 01 quyển sổ khổ giấy A 4 có bìa màu đen thu giữ của Hoàng Văn D; UBND xã và bị cáo D đều có ý kiến không nhận lại nên để xử lý kèm theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo D đề nghị được nhận lại số tiền bị cáo đã nộp là 107.444.000đ nằm trong số tiền 139.124.000đ bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả của vụ án; do số tiền này chưa gây thất thoát cho Nhà nước nên cần trả lại cho bị cáo D số tiền 107.444.000đ.

Số tiền trên hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện S.

[7] Trong vụ án này còn có: Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn M, ông Lã Xuân G, khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh quyết toán do bị cáo Hoàng Văn D trình để thanh toán với Kho bạc nhà nước, đã không kiểm tra chặt chẽ để Hoàng Văn D tham mưu quyết toán khống 04 bộ chứng từ nêu trên, sau đó rút tiền về chi không đúng mục đích gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 141.680.000đ (ông M liên đới chịu trách nhiệm về số tiền gây thất thoát là 60 triệu đồng, ông G liên đới chịu số tiền bị thất thoát là 81.680.000đ). Tuy nhiên xét thấy hành vi của ông M, ông G đều vì công việc chung của Ủy ban xã D, không ai có vụ lợi cá nhân và do năng lực quản lý yếu; số tiền gây thất thoát chưa đến mức phải xử lý hình sự; vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với ông M và ông G. Tuy

nhiên Cơ quan điều tra đã có Công văn tham mưu với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện S có hình thức xử lý về Đảng và chính quyền về những vi phạm nêu trên của ông M, ông G; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã D, quá trình điều tra xác định ông Đ không biết việc bị cáo D lập chứng từ khống để rút tiền tại Kho bạc; vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về án phí : Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Bị cáo Hoàng Văn D (Hoàng Anh D) phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 221; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/8/2019. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo Hoàng Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Cấm Hoàng Văn D đảm nhiệm chức vụ làm tài chính kế toán thời gian là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo Hoàng Văn D và ông Nguyễn Văn M, ông Lã Xuân G phải liên đới bồi thường cho UBND xã D do ông Nguyễn Văn T đại diện số tiền là: 141.680.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng); cụ thể: Ông M 60.000.000đ, ông G 50.000.000đ, bị cáo D 31.680.000đ. Ghi nhận số tiền bị cáo D và ông M, ông G đã nộp đủ để bồi thường cho UBND xã D, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án dân sự.

Số tiền hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D số tiền: 107.444.000đ (Một trăm linh bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Số tiền hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận;

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn